

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 08- 9- 2022
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị
2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc chia tài sản sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Ch, sinh năm 1975
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1983

Đều ở địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- 3.1 Anh Đỗ Ngọc A, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

- 3.2 Chị Đỗ Thị Á, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Anh Ch, chị L có mặt tại phiên tòa. Anh Ngọc A đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Á từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Ch trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Minh L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận

tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Khi giải quyết ly hôn, anh và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản mà để tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Song từ sau khi ly hôn đến nay, anh và chị L không thỏa thuận giải quyết phân chia tài sản với nhau được. Toàn bộ tài sản hiện chị L vẫn đang quản lý không phân chia cho anh. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản sau khi ly hôn như sau:

* Về diện tích đất: Thửa đất số 10 diện tích 269,4m² đất ở và thửa đất số 8 diện tích 226,7m² đất nuôi trồng thủy sản (ao), tại tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nguồn gốc 02 thửa đất trên là do anh và chị L nhận chuyển nhượng của anh Đỗ Ngọc A là con của bà Vũ Thị N được nhận thừa kế của bà N. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/11/2016 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Hùng Dũng chỉ thể hiện anh và chị L nhận chuyển nhượng thửa đất số 10 diện tích 269,4m² đất ở, còn thửa đất số 8 diện tích 226,7m² đất nuôi trồng thủy sản (ao) tuy không lập hợp đồng chuyển nhượng nhưng là thửa đất liền kề với thửa đất số 10, gia đình anh Ngọc A đã xây tường bao xung quanh. Khi chuyển nhượng thửa đất số 10 thì anh Ngọc A cũng chuyển nhượng cả thửa đất số 8 cho anh và chị L. Hai bên không có tranh chấp gì và gia đình anh đã sử dụng ổn định từ năm 2016 đến nay.

Hội đồng định giá đã tiến hành định giá diện tích đất ở có giá là 800.000 đồng/01m²; đất nuôi trồng thủy sản (ao) có giá là: 42.000 đồng/01m².

* **Về tài sản trên đất:** Tài sản trên đất đã được Hội đồng định giá đo đạc, kiểm đếm và định giá tài sản gồm:

- 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (nhà ở) mái lợp tôn, diện tích sàn 46,34m², tường 110 xây gạch chỉ đỏ, xây dựng năm 2021, có giá trị còn lại là: 113.850.000 đồng

- 01 (một) ngôi nhà ngang cấp 4 (nhà kho) mái lợp Fibro xi măng, diện tích sàn 31m², tường 110 xây gạch chỉ đỏ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 40.664.000 đồng

- 01 (một) nhà bếp mái lợp Fibro xi măng, diện tích sàn 9,2m², tường 110 xây gạch chỉ đỏ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 10.579.000 đồng

- Cổng, tường dậu (tường xây gạch chỉ, hàng rào sắt) xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 7.175.000 đồng

- Bờ ao (phía Nam dài 7,84m+ 1,22m+ 8,22m; phía Tây dài 10,56m) xây gạch chỉ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 3.111.000 đồng

- Bờ ao (phía Đông dài 10,5m; phía Bắc dài 4,8m) xây gạch xi, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 1.276.000 đồng.

- Lán tôn cạnh ngôi nhà ở, làm năm 2021, diện tích $10,8m^2$, có giá trị còn lại là: 7.553.000 đồng

- Sân bê tông làm năm 2021, diện tích $74,7m^2$, có giá trị còn lại là: 8.117.000 đồng

- Bể nước $1,1 m^3$ xây năm 2016, có giá trị còn lại là: 419.000 đồng

- Điện nước, có giá trị còn lại là: 4.953.000 đồng

- 01 (một) cây Mít đường kính gốc 16cm, có giá trị còn lại là: 1.000.000 đồng

- 01 (một) cây Mít đường kính gốc 07cm, có giá trị còn lại là: 350.000 đồng

- 02 (hai) cây Cam đường kính gốc 05cm, có giá trị còn lại là: 250.000 đồng/01 cây.

- 01 (một) cây Xoài đường kính gốc 11cm, có giá trị còn lại là: 700.000 đồng

- 01 (một) cây Ổi đường kính gốc 10cm, có giá trị còn lại là: 600.000 đồng

- 01 (một) cây Chanh đường kính gốc 07cm, có giá trị còn lại là: 250.000 đồng

Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất là tài sản chung của anh và chị L, không liên quan đến các con chung. Anh yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trên cho anh và chị L bằng hiện vật và thanh toán chênh lệch tài sản theo quy định của pháp luật. Anh xin nhận phần đất có công trình phụ còn để cho chị L phần đất có ngôi nhà cấp 4 (nhà ở).

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Minh L trong bản tự khai và tại phiên tòa đã trình bày: Chị và anh Ch có tài sản chung gồm diện tích đất ở, đất vườn ao cùng tài sản trên đất đúng như anh Ch đã trình bày. Chị không đồng ý phân chia tài sản theo yêu cầu của anh Ch. Trường hợp phải phân chia thì đề nghị Tòa án chia số tài sản chung cho 05 người gồm: Chị, anh Ch và 03 con chung là cháu Đỗ Thị Hồng Hạnh, sinh năm 2008, Đỗ Thành Ngân, sinh năm 2010 và Đỗ Xuân Hoàng, sinh năm 2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Ngọc Anh và chị Đỗ Thị Á trong đơn đề nghị đều trình bày: Mẹ đẻ của anh, chị là bà Vũ Thị N (đã chết nhưng không để lại di chúc). Anh, chị đã có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hùng Dũng, nội dung thỏa thuận giao cho anh Đỗ Ngọc A quyền sử dụng khối di sản của bà Nụ là thửa đất số 10 diện tích $269,4m^2$ đất ở tại tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau đó anh Đỗ Ngọc A đã chuyển nhượng lại thửa đất này cho anh Ch, chị L. Bà Nụ còn có thửa đất số 8 diện tích $226,7m^2$ đất ao liền kề với thửa đất số 10. Mặc dù chưa thể hiện bằng văn bản nhưng anh, chị đã thỏa thuận thống nhất giao cho anh Đỗ Ngọc A quyền sử dụng cả thửa đất số 8 liền kề với thửa đất số 10. Anh, chị xác nhận đã chuyển nhượng cho anh Ch, chị L cả hai thửa đất nêu trên. Anh, chị không có ý kiến và không tranh chấp gì đối với hai thửa đất đã chuyển nhượng cho anh Ch, chị L. Anh Ngọc A đề nghị Tòa

án giải quyết vắng mặt anh, còn chị Á từ chối tham gia tố tụng.

*Về chi phí tố tụng: Anh Ch tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Anh Ch đã nộp xong.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Ngọc A chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Á chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 157, 165 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chia đôi diện tích đất ở và đất nuôi trồng thủy sản cùng tài sản trên đất; giao cho chị L được quyền sử dụng phần diện tích đất đã có ngôi nhà cấp 4 (nhà ở) và một phần ngôi nhà ngang cấp 4 (nhà kho); giao cho anh Ch được quyền sử dụng diện tích đất còn lại cùng tài sản trên đất. Chị L có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Ch.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã nộp xong).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Ngọc Anh đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Ánh từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của nguyên đơn, thấy: Anh Ch, chị L đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đối với đất số 8, tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, mặc dù không có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng Ch sử dụng thửa đất số 8 là anh Đỗ Ngọc A và chị Đỗ Thị Á xác nhận đã chuyển nhượng cho anh Ch, chị L cùng thời điểm chuyển nhượng thửa

đất số 10; hai bên không có tranh chấp và yêu cầu gì. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 10 diện tích đo đạc hiện trạng là $266,5\text{m}^2$; thửa đất số 8 diện tích đo đạc hiện trạng là $223,9\text{m}^2$, tại tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cùng toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của anh Ch, chị L hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Hiện chị L đang quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất. Diện tích đo đạc hiện trạng chênh lệch so với số liệu đo đạc năm 2006 là do có sự sai số khi đo đạc nên cần căn cứ số liệu đo đạc hiện trạng để giải quyết. Chị L yêu cầu chia tài sản cho cả 03 con chung nhưng không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: 03 con chung đều còn nhỏ và việc chia tài sản chung của anh Ch, chị L không liên quan đến 03 con chung của anh Ch, chị L. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, cần chia đôi diện tích đất bằng hiện vật cho anh Ch và chị L. Giao cho chị L quyền sử dụng và sở hữu phần diện tích đất ở và đất nuôi trồng thủy sản cùng tài sản trên phần đất được chia là ngôi nhà cấp 04 (nhà ở) và một phần ngôi nhà ngang cấp 4 (nhà kho); lán tôn, sân vườn, bờ ao, cây cối trên đất; giao cho anh Ch quyền sử dụng và sở hữu phần diện tích đất ở và đất nuôi trồng thủy sản còn lại cùng tài sản trên đất là một phần ngôi nhà ngang cấp 4 (nhà kho); bếp, bể nước mưa, sân vườn, bờ ao, cây cối trên đất. Việc thanh toán giá trị chênh lệch tài sản giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh Ch tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Anh Ch đã nộp xong.

[4] Về án phí: Anh Ch và chị L đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản đã được chia là 206.354.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 157, 165 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của anh Đỗ Văn Ch.

** Xử chia và giao cho chị Nguyễn Thị Minh L sử dụng và sở hữu tài sản gồm:*

- Quyền sử dụng diện tích đất ở $142,7\text{m}^2$ có giá trị là: $142,7\text{m}^2 \times 800.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 114.160.000 \text{ đồng}$, tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đất có các chiều đo cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo): phía Đông giáp đường giao thông dài 8,2m; phía Tây

giáp phần đất nuôi trồng thủy sản chia cho chị L dài 8,2m; phía Nam giáp phần đất ở chia cho anh Ch dài 17,75m; phía Bắc giáp đất ông Miền dài 17,10m.

- Quyền sử dụng diện tích đất nuôi trồng thủy sản là $123,8\text{m}^2$ có giá trị là: $123,8\text{m}^2 \times 42.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 5.199.600 \text{ đồng}$, tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đất có các chiều đo cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo): phía Đông giáp phần đất ở chia cho chị L dài 8,2m; phía Tây giáp đất ông Bắc dài 5,28m; phía Nam giáp phần đất nuôi trồng thủy sản chia cho anh Ch dài 17,65m; phía Bắc giáp đất ông Miền dài gấp khúc: 5,04m+ 1,12m+ 14,43m.

- Toàn bộ tài sản trên diện tích đất ở và đất nuôi trồng thủy sản chia cho chị L gồm:

+ 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (nhà ở) mái lợp tôn, diện tích sàn $46,34\text{m}^2$, tường 110 xây gạch chỉ đỏ, xây dựng năm 2021, có giá trị còn lại là: 113.850.000 đồng

+ Một phần ngôi nhà ngang cấp 4 (nhà kho) mái lợp Fibro xi măng, diện tích sàn $13,8\text{m}^2$, tường 110 xây gạch chỉ đỏ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 18.102.000 đồng.

+ Một phần tường dậu (tường xây gạch chỉ, hàng rào sắt) xây dựng năm 2016, dài 8,20m, có giá trị còn lại là: 4.904.000 đồng

+ Lán tôn cạnh ngôi nhà ở, làm năm 2021, diện tích $10,8\text{m}^2$, có giá trị còn lại là: 7.553.000 đồng

+ Một phần sân bê tông làm năm 2021, diện tích 25m^2 , có giá trị còn lại là: 2.716.500 đồng

+ Bờ ao (phía Đông dài 3,26m; phía Bắc dài 4,8m) xây gạch xi, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 672.000 đồng.

+ Bờ ao phía Tây dài 5,28m xây gạch chỉ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 591.000 đồng

+ Điện nước, có giá trị còn lại là: 3.958.500 đồng

+ 01 (một) cây Mít đường kính gốc 16cm, có giá trị còn lại là: 1.000.000 đồng

+ 01 (một) cây Cam đường kính gốc 05cm, có giá trị còn lại là: 250.000 đồng

+ 01 (một) cây Xoài đường kính gốc 11cm, có giá trị còn lại là: 700.000 đồng

+ 01 (một) cây Ổi đường kính gốc 10cm, có giá trị còn lại là: 600.000 đồng

Tổng giá trị toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất giao cho chị L là: 274.256.600 đồng.

** Xử chia và giao cho anh Đỗ Văn Ch sử dụng và sở hữu tài sản gồm:*

- Quyền sử dụng diện tích đất ở $123,8\text{m}^2$ có giá trị là: $123,8\text{m}^2 \times 800.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 99.040.000 \text{ đồng}$, tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đất có các chiều đo cụ thể như

sau (có sơ đồ kèm theo): phía Đông giáp đường giao thông dài 6,48m; phía Tây giáp phần đất nuôi trồng thủy sản chia cho anh Ch dài 7,24m+ 0,3m; phía Nam giáp đất bà Tiễn dài 7,81m+ 7,43m+ 3,1m; phía Bắc giáp phần đất chia cho chị L dài 17,75m.

- Quyền sử dụng diện tích đất nuôi trồng thủy sản là $100,1\text{m}^2$ có giá trị là: $100,1\text{m}^2 \times 42.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 4.204.200 \text{ đồng}$, tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 14, thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đất có các chiều đo cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo): phía Đông giáp phần đất ở giao cho anh Ch dài 7,24m; phía Tây giáp đất ông Bắc dài 5,28m; phía Nam giáp đất ông Bắc và đất ông Trịnh dài gấp khúc: 7,84m+ 1,22m+ 8,22m; phía Bắc giáp phần đất nuôi trồng thủy sản chia cho chị L dài 17,65m

- Toàn bộ tài sản trên diện tích đất ở và đất nuôi trồng thủy sản chia cho anh Ch gồm:

+ Một phần ngôi nhà ngang cấp 4 (nhà kho) mái lợp Fibro xi măng, diện tích sàn $17,2\text{m}^2$, tường 110 xây gạch chỉ đỏ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 22.562.000 đồng

+ Cổng và một phần tường dậu còn lại (tường xây gạch chỉ, hàng rào sắt) xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 2.271.000 đồng

+ Sân bê tông làm năm 2021, diện tích $49,7\text{m}^2$, có giá trị còn lại là: 5.400.500 đồng

+ Bờ ao phía Đông dài 7,24m xây gạch xi, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 604.000 đồng.

+ Bờ ao (phía Nam dài 7,84m+ 1,22m+ 8,22m; phía Tây dài 5,28m) xây gạch chỉ, xây dựng năm 2016, có giá trị còn lại là: 2.527.000 đồng

+ Điện nước, có giá trị còn lại là: 994.500 đồng

+ 01 (môt) cây Mít đường kính gốc 07cm, có giá trị còn lại là: 350.000 đồng

+ 01 (môt) cây Cam đường kính gốc 05cm, có giá trị còn lại là: 250.000 đồng

+ 01 (môt) cây Chanh đường kính gốc 07cm, có giá trị còn lại là: 250.000 đồng

Tổng giá trị toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất giao cho anh Ch là: 138.453.200 đồng.

** Về thanh toán giá trị chênh lệch tài sản:*

- Chị Nguyễn Thị Minh L phải có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh Đỗ Văn Ch số tiền là 67.901.700 đồng- làm tròn số 67.902.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu chín trăm linh hai nghìn đồng)

.- Anh Đỗ Văn Ch được quyền sở hữu số tiền do chị L thanh toán là 67.902.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu chín trăm linh hai nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền Ch động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Ch tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Anh Ch đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Anh Đỗ Văn Ch phải chịu 10.317.745 đồng- làm tròn số 10.318.000 đồng (Mười triệu ba trăm mười tám nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh Ch đã nộp là 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003622 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí. Anh Ch còn phải nộp số tiền án phí là: 4.068.000 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

- Chị Nguyễn Thị Minh L phải chịu 10.317.745 đồng- làm tròn số 10.318.000 đồng (Mười triệu ba trăm mười tám nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng

